

Bản tin Kinh tế Ngành Giấy được phát hành mỗi tuần một số vào thứ 3 hàng tuần, là thông tin tổng hợp về thị trường bột giấy, giấy, đầu tư và công nghệ ngành giấy trong nước và thế giới...



HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM

HỘI NGHỊ CÔNG NGHIỆP GIẤY VÀ BỘT GIẤY ASEAN LẦN THỨ 34
THE 34th CONFERENCE OF FEDERATION OF ASEAN PULP AND PAPER INDUSTRIES (FAPPI)

31st Oct. - 2nd Nov. 2019



Pulp and Paper Manufacturing Process



Pulp and Paper Industry

TRONG SỐ NÀY:

Tin thị trường – Giá cả trong nước
Suzano bán tháo bột BEK tại Trung Quốc
Giấy, bia giảm trở lại tại Trung Quốc
Giá bột nội địa Trung Quốc
Giá bột nhập khẩu Trung Quốc
Giá bột nhập khẩu Đông Á, Đông Nam Á
Giá RCP tại Trung Quốc
Giá bột giảm tại Mỹ
Giấy in báo tại Mỹ
Sun Paper tăng vốn đầu tư tại Lào

TRONG NƯỚC:

Số liệu nhập khẩu bột giấy, giấy thu hồi:

Bột giấy: Chủng loại nhập (BHK, BEK, Acacia, BCTMP, Fluff Pulp, NBSK, BSK): Lượng nhập khẩu 8.032 tấn, tăng 12,9%;

Giấy loại thu hồi: Chủng loại nhập chủ yếu (OCC, ONP, OMG...): Lượng nhập khẩu 52.903 tấn, giảm 5,3%;

Số liệu xuất khẩu giấy các loại:

Giấy in, viết: Lượng xuất khẩu 361 tấn, tăng 43,2%;

Giấy tissue: Lượng xuất khẩu 1.225 tấn, giảm 10,6%;

Giấy làm bao bì: Lượng xuất khẩu 8.742 tấn, tăng 2,3%;

Giấy vàng mã: Lượng xuất khẩu 2.339 tấn, tăng 12,6%.

Số liệu nhập khẩu giấy các loại:

Giấy in báo: Số lượng nhập khẩu 983 tấn, tăng 5,5%;

Giấy in viết: Số lượng nhập khẩu 4.356 tấn, tăng 3,1%;

Giấy in, viết có tráng: Số lượng nhập khẩu 2.899 tấn, giảm 6,1%;

Giấy tissue: Lượng nhập khẩu 725 tấn, giảm 4,8%;

Giấy làm bao bì không tráng: Lượng nhập khẩu 10.554 tấn, giảm 12,9%;

Giấy làm bao bì có tráng: Số lượng nhập khẩu 18.105 tấn, giảm 2,3%;

Giấy tự nhân bản: Lượng nhập 663 tấn, tăng 36,4%;

Giấy vắn thuốc lá điều: Số lượng nhập 261 tấn, giảm 58,7%;

Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm&trắng bạc: Lượng nhập 438 tấn, giảm 46,0%;

Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy: Lượng nhập 422 tấn, tăng 9,6%;

Giấy in nhiệt: Số lượng nhập 391 tấn, giảm 40,0%.

(tăng, giảm so với tuần trước)

GIÁ THAM KHẢO

Giá giấy nội địa (VAT):

Giấy bao bì lớp sóng nội địa: Loại 110-130 g/m², dạng cuộn, giá bán 9.000.000 – 10.500.000 VND/tấn;

TIN THỊ TRƯỜNG

Giấy bao bì lớp mặt sản xuất nội địa: Loại 120-150 g/m², dạng cuộn, giá bán 10.000.000 – 11.200.000 VND/tấn;

Giấy in, viết nội địa: Loại 70 g/m² ISO>90 dạng cuộn, giá dao động từ 21.600.000 – 22.000.000 VND/tấn, có VAT;

Giấy photocopy nội địa: Loại A4 thương hiệu Clever UP 70 g/m² giá bán ~50.000 VND/ram, có VAT.

Giấy tissue nội địa: Làm khăn 2 lớp, dạng cuộn, định lượng 15,5-17g/m², giá 28.500.000–30.000.000 VND/tấn.

Giá giấy nhập khẩu:

Giấy in báo: Dạng cuộn 45g 15.000.000 – 16.200.000 VND/tấn, tùy theo chất lượng;

Giấy in viết: Loại 70 g/m², dạng cuộn, 21.100.000 – 22.600.000 VND/tấn, tùy chất lượng, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy tissue: loại 15,5-17g/m², 02 lớp làm khăn, 31.000.000-31.500.000 VND/tấn;

Giấy làm bao bì ximăng: Loại 80 g/m², 20.000.000–29.000.000 VND/tấn;

Giấy bao bì lớp sóng: loại 110-160 g/m², 10.000.000–10.800.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy bao bì lớp mặt: 130-160 g/m², 11.000.000 – 12.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy in trắng phủ hai mặt (Couche): Loại 230 g/m², 22.500.000 – 23.500.000 VND/tấn;

Bìa ngà (Ivory Board): Loại 210 – 300 g/m², 23.800.000–31.500.000 VND/tấn, tùy chất lượng;

Bìa duplex có tráng một mặt: Loại 300–400g/m², 13.600.000-16.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á.

Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy: Dạng cuộn, xuất xứ Hàn Quốc, 27.500.000 – 28.000.000 VND/tấn.

Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm, 33g/m²: Dạng cuộn, loại 33g/m², 29.400.000 - 30.000.000 VND/tấn.

Nguồn (TCy Giấy VN, An Hòa, Việt Thắng, Xương Giang, Sài Gòn...)/.

Suzano bán tháo bột BEK tại Trung Quốc với mức giá 480-500 USD/tấn

Suzano đã đạt được thỏa thuận với người mua Trung Quốc cung cấp một khối lượng bột giấy khổng lồ trong quý III.2019, nhằm cắt giảm lượng hàng tồn kho bột giấy của Brazil tại cảng Trung Quốc.

Trong tháng 7, nhà sản xuất đã thay đổi kế hoạch kinh doanh, thống nhất phương án chuyển bán bột BEK hàng tháng sang bán buôn toàn bộ khối lượng trong quý II với mức giá cố định. Nhưng khách hàng có thể chọn mua theo phương thức hàng tháng hoặc đặt hàng theo nhu cầu trong ba tháng và được giảm giá tùy theo khối lượng và các yếu tố khác.

Mục tiêu của Suzano là nhằm giảm đáng kể lượng hàng tồn kho tại cảng trong quý II, giảm bớt sự biến động của thị trường và ổn định thị trường trong QIV. Suzano đã định giá bán bột BEK ở mức 500 USD/tấn, giảm tới 20 USD/tấn. Đây thực sự là mức giá hấp dẫn hiện nay đối với khách hàng Trung Quốc, với giá dưới mức thị trường và loại bột BEK của Suzano được coi là một loại cao cấp.

Mức giá 480-500 USD/tấn Suzano đưa ra đã ảnh hưởng đến việc định giá bột BEK, khiến những người bán khác cũng hạ thấp giá bán bột giấy kraft tẩy trắng (BHK) của họ. Bột BEK và BHK Nga đã giảm xuống mức 480-500 USD/tấn, tương ứng với mức giảm 20-50 USD/tấn so với mức 500-550 USD/tấn trung tuần tháng 7.2019. Bột gỗ keo Indonesia có giá thấp hơn, ở mức 460-470 USD/tấn.

Bột BSK ổn định mức giá: Mặc dù mức giá hiện tại của bột BEK tại Trung Quốc đang được giao dịch tương đương 480-487 USD/tấn sau khi trừ 13% VAT và 150 RMB/tấn chi phí hậu cần. Nhưng các nhà quan sát thị trường đều cho rằng, loại bột BHK sẽ tiếp tục gặp khó khăn và sẽ ảnh hưởng đến việc định giá giấy kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK).

Giá bột BSK đã có sự tăng nhẹ trong tháng 7.2019, do sự phục hồi giá của sản phẩm giao dịch tương lai Thượng Hải và việc tăng giá bột BSK tại thị trường nội địa vào đầu tháng. Tuy nhiên, sự tăng giá bột BSK chỉ tồn tại

trong một thời gian rất ngắn. Gần đây, một số nhà sản xuất Canada đã cố gắng tăng giá bột BSK (NBSK) 10-20 USD/tấn, nhưng việc tăng giá đó thực sự khó khăn. Do khách hàng có thể mua NBSK của châu Âu với giá 530 USD/tấn, chứ không muốn trả thêm 40 USD/tấn để mua NBSK của Canada. Do đó, mức giá BSK vẫn ổn định trong thời gian qua, bột NBSK ở mức 530-580 USD/tấn, thông radiata và BSK Nga ở mức 550-580 USD/tấn.

Giá hợp đồng kỳ hạn giảm: Khi thị trường Trung Quốc đã tạo ra một tiền lệ, thì giá hợp đồng kỳ hạn các nơi khác ở châu Á đã giảm theo 20-50 USD/tấn. Bao gồm 40 USD/tấn đối với các loại BSK, 50 USD/tấn đối với BHK, 20-25 USD/tấn đối với bột UBSK và 30 USD/tấn đối với bột BCTMP. Khối lượng bột BHK giao ngay gia tăng tại Hàn Quốc, bột BEK được bán ở mức 480-490 USD/tấn và keo Indonesia ở mức 460-470 USD/tấn./.

FastMarkets RISI/8.2019

Giá giấy và bìa tại Trung Quốc giảm trở lại trong tháng 7

Giá hầu hết các loại giấy và bìa tại Trung Quốc đã giảm mạnh trong tháng 7.2019, tiếp theo bối cảnh mùa hè trì trệ. Các nhà giao dịch cho biết không thấy bất kỳ sự cải thiện rõ rệt nào về nhu cầu nguyên liệu giấy bao bì ở Trung Quốc. Hơn nữa, nguồn cung giấy bao bì hòm hộp từ giấy tái chế lại ngày càng tăng cả từ các công suất lắp đặt mới và nguồn nhập khẩu, tiếp tục gây áp lực giảm giá đối với hầu hết các chủng loại. Tồn kho ở các nhà máy ở mức cao, nhiều nhà máy đã có động thái tiếp tục giảm giá sâu nữa từ đầu tháng 7.

Ở khu vực phía Đông Trung Quốc, giấy testliner đã giảm từ 3.800 - 4.120 RMB/tấn (tương ứng 551-597 USD/tấn) xuống còn 3.630-3.950 RMB/tấn trong một tháng qua.

Giấy kraft-top liner giảm 150 RMB/tấn xuống còn 4.100-4.300 RMB/tấn. Giấy white-top liner được

bán ở mức 5.250-5.570 RMB/tấn vào cuối tháng 7, giảm 100 RMB/tấn so với cuối tháng 6.2019. Giấy lớp sóng giữa độ cứng cao giảm từ 3.500-3.870 RMB/tấn xuống còn 3.340 -3.710 RMB/tấn.

Giá bìa từ giấy tái chế cũng giảm mạnh. Bìa duplex có tráng lưng xám loại thương phẩm và cao cấp cũng giảm tương ứng 100-150 RMB/tấn xuống còn 4.300-4.600 RMB/tấn và 3.950-4.200 RMB/tấn. Hiện nay nguồn cung của giấy duplex tại khu vực phía Đông Trung Quốc sẽ bị cắt giảm nhẹ trong tháng 8.2019 do 25 nhà máy cỡ nhỏ ở Fuyang đã lên kế hoạch ngừng chạy 10 ngày từ ngày 01.8.2019.

Giấy KBL giảm giá: Giá giấy kraftliner từ bột chưa tẩy nhập khẩu (KLB) giảm 10-20 USD/tấn xuống còn 550-640 USD/tấn từ tháng 7.2019.

Giá bán lại hiện nay đối với hầu hết các loại KLB nhập khẩu khoảng

5.300-5.400 RMB/tấn, và cao hơn gần 1.000 RMB/tấn so với loại kraft-top liner hàng đầu sản xuất tại Trung Quốc. Trong tháng 6, Trung Quốc chỉ nhập 6.763 KLB của Nga, giảm 50% so với tháng 5 và thấp nhất kể từ tháng 9/2017.

Áp lực đối với giấy Ivory: Giá của loại giấy Ivory thương phẩm đã giảm tiếp 50-100 RMB/tấn xuống còn 5.150-5.600 RMB/tấn trong tháng 7, sau khi đã giảm 50 RMB/tấn trong tháng trước. Tuy nhiên loại cao cấp vẫn duy trì ở mức 7.100-7.200 RMB/tấn.

Giấy in cao cấp giảm giá: Giá giấy in, viết cao cấp đã giảm trong tháng 7 sau giai đoạn ổn định trong nửa đầu năm 2019. Các nhà sản xuất hàng đầu đang cố gắng ổn định giá niêm yết và các nhà phân phối cũng đã đưa ra các mức giảm để thu hút các

đơn đặt hàng khi thị trường bước vào mùa thấp điểm truyền thống.

Giấy in cao cấp có tráng (CFP) giảm từ 5.650-6.070 RMB/tấn xuống còn 5.600-6.000 RMB/tấn. Giấy CFP thương phẩm đã giảm từ 5.470-5.700 RMB/tấn xuống 5.350-5.600 RMB/tấn.

Đối với giấy in cao cấp không tráng (UFP), 100% từ bột giấy hóa học đã giảm khoảng 6.400-6.700 RMB/tấn cuối tháng 7, giảm 100 RMB/tấn. Giấy UFP thương phẩm từ bột hóa học và bột cơ học giảm 50 RMB/tấn xuống còn 5.950-6.250 RMB/tấn.

Loại giấy từ hỗn hợp bột gỗ và phi gỗ trượt từ 5.750-6.000 RMB/tấn xuống 5.700-5.900 RMB/tấn. Tuy giảm giá nhưng thị trường giấy in, viết, nhất là giấy UFP hiện đang ổn định hơn nhiều so với các loại giấy bao bì.

PPI Asia/8.2019

GIÁ BỘT GIẤY SẢN XUẤT NỘI ĐỊA TẠI TRUNG QUỐC - Giá tịnh, RMB/tấn, tại kho người bán, gồm cả 13% VAT								
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	02/8/19	26/7/19	19/7/19	03/8/18	Tuần trước	Tháng trước	năm trước	
Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)								
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	4550-4900	4580-4900	4550-4900	6550-6750	-15	-25	-1925	-28,9%
Thông radiata (Chile)	4500-4550	4500-4600	4500-4550	6470-6500	-25	-50	-1960	-30,2%
BSK Nga	4500-4550	4500-4580	4550-4650	6350	-15	-75	-1825	-28,7%
Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)								
Bạch đàn	3900-3950	4000-4050	4050-4150	5850-5950	-100	-175	-2050	-34,3%
BHK Nga	4000-4050	4050-4200	4100-4300	5800	-100	-200	-1850	-31,5%
BHK Trung Quốc	3850-3900	3850-3900	3850-3900	5600-5800	-	-100	-1825	-32,0%
Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)								
Chile, Bắc Mỹ	4500-4550	4500-4550	4550	6700-6750	-	-225	-2225	-33,0%
Bột phi gỗ								
Tre Trung Quốc	4100-4200	4100-4200	4100-4300	5600-5700	-	-50	-1500	-26,5%
Bã mía Trung Quốc	4050-4350	4050-4350	4200-4350	5000-5200	-	-175	-900	-22,9%

PPI Asia/8.2019

GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF,								
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	02/8/19	19/7/19	05/7/19	03/8/18	2 tuần trước	tháng trước	năm trước	
Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)								
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	530-580	530-580	550-580	870-900	-	-10	-330	-37,3%
Thông radiata (Chile)	550-580	550-580	550-580	860-880	-	-	-305	-35,1%
BSK Nga	550-580	550-580	540-560	870-890	-	+15	-315	-35,8%
Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)								
Bạch đàn	480-500	500-550	500-550	770-780	-35	-35	-285	-36,8%
BHK Nga	480-500	500-550	500-550	760-780	-35	-35	-280	-36,4%
Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)								
Chile, Bắc Mỹ	560-570	560-570	560-570	860-880	-	-	-305	-35,1%
Nga	520-550	520-550	520-550	825-860	-	-	-308	-36,5%
BCTMP								
Gỗ cứng (độ trắng 80)	450	450-460	450-460	650-660	-5	-5	-205	-31,3%
Gỗ mềm (đô trắng 75)	430-460	450-460	450-460	590-610	-10	-10	-155	-25,8%

PPI Asia/8.2019

Tháng 7, giá bột giấy giảm tại Mỹ 35-50 USD, dự kiến sẽ suy giảm tiếp trong tháng 8

Nhu cầu tiêu thụ của thị trường Bắc Mỹ vẫn còn yếu cho đến cuối tháng 7, với hàng tồn kho cao và tiêu thụ mùa hè chậm hơn khiến giá hợp đồng kỳ hạn giảm 35-50 USD/tấn đối với hầu hết các loại sản phẩm chính. Nhưng thị trường giao ngay vẫn tương đối cao, hai loại bột chính của bột BSK đã ổn định sau nhiều tháng bị suy giảm.

Giá bột NBSK tháng 7 chốt ở mức 1.205 USD/tấn, giảm 45 USD/tấn do áp lực của thị trường, tùy theo nguồn cung. Giá niêm yết bột NBSK của Mỹ giảm 200 USD sau một năm và các nhà cung cấp có thể sẽ giảm thêm trong tháng 8 vì giá hợp đồng kỳ hạn không giảm xuống thấp như thị trường giao ngay.

FastMarkets RISI/8.2019

GIÁ BỘT NHẬP KHẨU HAN QUOC, NHAT BAN, ĐÀI LOAN - ĐÔNG NAM Á -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF,							
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
	T7/2019	T6/2019	T5/2019	T7/2018	tháng trước	năm trước	
Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)							
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	550-595	700-740	645-680	890-930	-40	-338	-37,1%
Thông radiata (Chile)	545-585	700-720	630-680	885-925	-40	-340	-37,6%
Thông phương nam (Mỹ)	535-550	670-690	610-625	875-915	-40	-353	-39,7%
Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)							
Bạch đàn	480-520	650-690	610-640	770-805	-50	-288	-36,5%
Keo (Indonesia)	480-520	640-690	610-640	760-800	-50	-280	-35,9%
Gỗ cứng hỗn hợp phương bắc	480-520	645-670	610-640	760-795	-50	-278	-35,7%
Gỗ cứng hỗn hợp phương nam	480-520	645-670	610-640	760-795	-50	-278	-35,7%
Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)							
Chile, Bắc Mỹ	565-570	705-715	635-645	875-885	-23	-313	-35,5%
BCTMP							
Gỗ dương	470-580	590-700	550-660	710-820	-30	-235	-30,9%
Hỗn hợp	470-580	590-700	550-660	710-820	-30	-235	-30,9%
Gỗ vân sam	460-580	590-700	540-660	710-820	-30	-240	-31,6%

PPI Asia/8.2019

GIÁ GIẤY THU HỒI NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC - Giá tịnh, USD/tấn, CIF, tới các cảng chính ở Trung Quốc								
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	2/8/19	26/7/19	19/7/19	3/8/18	Tuần trước	Tháng trước	năm trước	
Nhập từ Mỹ								
Thùng sóng cũ - OCC (12)	155-160	155-160	145-160	305-330	-	+25	-160	-50,4%
DLK (13)	170-190	170-190	170-190	310-330	-	-	-140	-43,8%
Giấy văn phòng chọn lựa (37)	250-260	250-260	250-260	310-330	-	-	-65	-20,3%
Báo cũ chọn lựa (58) - SCN	135-140	135-140	135-140	290-310	-	-	-163	-54,2%
Nhập từ Châu Âu								
Thùng sóng cũ - OCC (1.05)	120-130	120-130	120-130	250-265	-	+5	-133	-51,5%
Báo cũ (2.01)	140-160	140-160	140-160	250-260	-	-	-105	-41,2%
Nhập từ Nhật Bản								
Thùng sóng cũ	140-160	125-130	120-125	260-265	+23	+43	-113	-42,9%
Báo cũ	160-180	160-170	160-170	270-275	+5	+30	-103	-37,6%

PPI Asia/8.2019

Giấy in báo vẫn dư cung, nhưng giá ổn định tại Mỹ

Giá giấy in báo ổn định, không thay đổi tại thị trường Mỹ trong tháng 7 và có khả năng giữ ổn định tiếp trong tháng 8 bất chấp sự mất cân đối cung và cầu.

Giá giấy in báo loại 45g ở Bờ Đông vẫn ở mức 736 USD/tấn và thấp hơn 3,9% so với một năm trước, sau khi giảm 30 USD/tấn đầu năm. Giá giấy in báo loại 45g ở Bờ Tây vẫn ở mức 726 USD/tấn và thấp hơn 4% so với tháng 7.2018. Đến nay, nhu cầu vẫn còn yếu, giá cả vẫn ổn định sau đợt giảm giá đầu năm.

Theo số liệu của Hội đồng Bột giấy và sản phẩm giấy (PPPC), nhu cầu giấy in báo trong tháng 6.2019 tại Mỹ thấp hơn 12,6% so với tháng 6.2018, ở mức 195.000 tấn; trong sáu tháng đầu năm nhu cầu cũng giảm 15,7% xuống còn 1,16 triệu tấn.

Tại Bắc Mỹ, tiêu thụ giấy in báo thấp hơn 13% trong tháng 6 so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu vẫn không thay đổi. Nhu cầu giấy in báo trong nước vẫn còn rất yếu, do bị ảnh hưởng bởi sự xói mòn liên tục của lưu thông in ấn và quảng cáo. Theo dự báo của các nhà theo dõi thị trường, sự sụt giảm nhu cầu lớn trong nửa đầu năm 2019 dự kiến sẽ tiếp tục trong suốt cả năm, vì mức giảm nhu cầu hàng năm bình quân là 14,6%.

Fastmarkets RISI/8.2019

GIÁ GIẤY IN TẠI TRUNG QUỐC-- RMB/tấn, Đông TQ, gồm thuế, kho nhà cung cấp (giấy in báo-tới tay người mua)							
		Giá hiện hành		Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
	Định lượng	T7-2019	T6-2019	T7-2018	tháng trước	năm trước	
Giấy in báo							
Loại tiêu chuẩn	45-48.8g	4700-5000	5000-5200	6300-6500	-250	-1550	-24,2%
Giấy tráng nhẹ (LWC)							
Loại cuộn	58-64g	6500-6600	6500-6600	7100-7200	-	-600	-8,4%
Không tráng bột hóa (UCW)							
Cuộn (100% bột hóa)	70-100g	6400-6700	6500-6800	7300-7550	-100	-875	-11,8%
Cuộn (hỗn hợp hóa-cơ)	70-100g	5950-6250	6000-6300	6850-7100	-50	-875	-12,5%
Cuộn (hỗn hợp gỗ-phi gỗ)	70-100g	5700-5900	5750-6000	6550-6700	-75	-825	-12,5%
Có tráng bột hóa (C2S)							
Cuộn (chất lượng cao)	128g, 157g	5650-6070	5650-6070	6500-6900	-60	-900	-13,4%
Cuộn (thương phẩm)	128g, 157g	5470-5700	5470-5700	6350-6700	-110	-1050	-16,1%

PPI Asia/8.2019

GIÁ GIẤY BAO GÓI TẠI TRUNG QUỐC--RMB/tấn, gồm thuế, nhà máy hoặc kho nhà cung cấp							
		Giá hiện hành		Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
	Định lượng	T7-2019	T6-2019	T7-2018	tháng trước	năm trước	
Giấy bao gói (bột nguyên khai)							
Kraftliner	175g	550-640	560-660	770-800	-15	-190	-24,2%
Giấy bao gói (bột tái chế)							
Testliner	140g	3630-3950	3800-4120	5060-5250	-170	-1365	-26,5%
Kraft-top liner	170g	4100-4300	4250-4450	5400-5500	-150	-1250	-22,9%
White-top liner	140g	5250-5570	5350-5670	6000-6370	-100	-775	-12,5%
Giấy lớp sóng độ cứng cao	120g	3340-3710	3500-3870	4500-4900	-160	-1175	-25,0%
Bìa cứng							
Bìa ngà trắng (chất lượng cao)	250g	7100-7200	7100-7200	7200-7400	-	-150	-2,1%
Bìa ngà trắng (thương phẩm)	250g	5150-5600	5250-5650	5300-5800	-75	-175	-3,2%
Bìa trắng duplex mặt xám (cl. cao)	250g	4300-4600	4400-4750	5400-5650	-125	-1075	-19,5%
Bìa trắng duplex mặt xám (th. phẩm)	250g	3950-4200	4050-4350	4650-5150	-125	-825	-16,8%

PPI Asia/8.2019

Nine Dragons đầu tư 91 triệu USD mua chín công ty giấy bao bì

Nine Dragons Paper (Holdings) đã tiết lộ một thỏa thuận cho việc mua lại chín công ty sản xuất giấy bao bì tại Trung Quốc đại lục và Hồng Kông.

Theo thỏa thuận này Công ty Nine Dragons Worldwide (Dongguan) - một công ty con của Nine Dragons Holdings - sẽ trả 630 triệu RMB (tương đương 91 triệu USD) để mua lại chín công ty, bao gồm 7 nhà máy ở

Trung Quốc đại lục và 2 nhà máy tại Hồng Kông.

Theo giải trình của Công ty, việc mua lại chín nhà máy này sẽ cho phép Công ty tham gia trực tiếp vào việc cung cấp các sản phẩm giấy bao bì cho thị trường và khách hàng.

Nine Dragons cũng dự kiến rằng thỏa thuận này sẽ giúp tăng thị phần của tập đoàn trên thị trường giấy

bao bì tại Trung Quốc và khu vực cũng như tăng cường lợi nhuận hơn nữa.

Chín công ty sản xuất giấy bao bì này đã công bố lợi nhuận sau thuế là 10,7 triệu RMB trong 6 tháng đầu năm 2019 và 23,5 triệu RMB trong năm 2018. Thỏa thuận được ký kết vào ngày 26.7.2019 và hoàn thành giao dịch dự kiến trong vòng 45 ngày.

PPI Asia/8.2019

Thay thế APP, APRIL gia tăng đầu tư và kêu gọi tăng giá giấy UFP từ tháng 8

APRIL – Nhà sản xuất giấy không lồ của Indonesia tuyên bố sẽ tăng giá giấy in cao cấp không tráng từ bột hóa (UFP) thêm 20 USD/tấn cho các đơn đặt hàng từ tháng 8.2019.

Công ty dự định sẽ lấp đầy khoảng trống về nguồn cung do Asia Pulp & Paper (APP) để lại sau khi chuyển đổi 550.000 tấn/năm sản xuất giấy in tại các nhà máy của Indonesia sang sản xuất giấy bao bì.

APP đã hoàn thành việc chuyển đổi dây chuyền PM14 công suất 150.000 tấn/năm tại nhà máy Karawang và PM10 công suất 300.000 tấn/năm tại nhà máy Kimia vào tháng 5.2019.

Việc chuyển đổi hai dây chuyền của APP đã khiến lượng UFP xuất khẩu từ Indonesia sang Trung Quốc giảm 70% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, xuất khẩu giấy in cao cấp UFP từ Trung Quốc sang

Đông Nam Á cũng đã giảm. Các nhà giao dịch thị trường cho biết lượng hàng xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm 20.000 tấn kể từ tháng 5, giảm từ 90.000 tấn xuống còn 70.000 tấn.

Tận dụng cơ hội nguồn cung trong khu vực giảm, và đón bắt nhu cầu gia tăng, APRIL đã mở rộng và tìm kiếm một đợt tăng giá cho giấy UFP./.

FastMarkets RISI/8.2019

Sun Paper ưu tiên đầu tư giấy UFP; tăng vốn cho dự án tại Lào

Công ty Shandong Sun Paper Industry đã thỏa thuận với Voith để cung cấp dây chuyền sản xuất giấy in cao cấp không tráng từ bột hóa (UFP) công suất 450.000 tấn/năm mới cho nhà máy tại Yanzhou, Jining, Shandong.

Phạm vi cung cấp của Voith cho SunPaper bao gồm gói tự động hóa, hệ thống xử lý cuộn và hai máy cuộn cắt lại. Tổng giá trị của đơn đặt hàng và ngày khởi động

của dây chuyền mới này chưa được tiết lộ.

Sun Paper đang lên kế hoạch huy động 2 tỷ RMB (290 triệu USD) từ các nhà đầu tư tư nhân để hỗ trợ cho dự án bột giấy và giấy bao bì hòm hộp từ giấy thu hồi tại Xepon, tỉnh Savannakhet, Lào.

Dự án có tổng vốn đầu tư 637 triệu USD, bao gồm việc lắp đặt dây chuyền bột giấy tái chế 400.000 tấn/năm và hai dây chuyền sản xuất

giấy bao bì hòm hộp tái chế công suất 400.000 tấn/năm.

Dây chuyền bột giấy tái chế đã được đưa vào vận hành thử nghiệm vào cuối tháng 5.2019, Voith cũng đã được đăng ký để cung cấp hai dây chuyền bìa gấp hộp (BM). Dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động vào cuối năm 2020 hoặc trong nửa đầu năm 2021./.

PPI Asia/8.2019

APP Trung Quốc gia tăng đầu tư giấy tissue

APP Trung Quốc đã đặt hàng 18 máy xeo giấy tissue của Tập đoàn PMP cho nhà máy mới tại Rudong, Nantong, Jiangsu.

Mỗi máy có công suất 30.000 tấn/năm, khổ rộng lưới 3,6 m, tốc độ thiết kế 1.600 m/phút và kèm theo một máy sấy yankee lô thép 18-foot. Phạm vi định lượng của sản phẩm nằm trong khoảng 11,5-22 g/m².

Theo dự kiến, tổng công suất giấy tissue của nhà máy Rudong sẽ là 780.000 tấn/năm. APP Trung Quốc lên kế hoạch nhà máy tissue mới sẽ được đưa vào vận hành vào năm 2021./.

PPI Asia/8.2019

VPPA News

Tuần tin về thị trường bột giấy, giấy và thông tin đầu tư, công nghệ trong nước và thế giới của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam.

Ban Biên tập

Nguyễn Việt Đức, VPPA; Hoàng Trung Sơn, VPPA; Đặng Văn Sơn, VPPA; Vũ Thị Hồng Mận, VPPA; Cao Đức Bằng, VINAPACO; Lê Huy Dư, VPPA.

